

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA KỶ IV NĂM 2018**

Thời gian: Từ 21/04 - 23/04/2018

NGHỀ: ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP BẬC 3

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - ĐHCN ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	ĐTCN - 01	Bùi Vũ Bình	08/10/1983		x		025083000193	27/07/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	ĐTCN - 02	Nguyễn Thị Phương Dung	25/07/1979			x	135831546	06/06/2013	CA Vĩnh Phúc
3	ĐTCN - 03	Nguyễn Đức Hưng	29/07/1990		x		012874240	10/04/2006	CA Hà Nội
4	ĐTCN - 04	Triệu Quốc Khanh	07/04/1976		x		131501901	19/03/2011	CA Phú Thọ

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	ĐTCN - 05	Vũ Thị Thùy Linh	29/10/1986			x	090985430	20/02/2008	CA Thái Nguyên
6	ĐTCN - 06	Nguyễn Văn Long	17/11/1977		x		026077000450	11/06/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	ĐTCN - 07	Nguyễn Thị Nghinh	12/08/1986			x	001186020756	28/03/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8	ĐTCN - 08	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/01/1988			x	135354502	05/08/2005	CA Vĩnh Phúc
9	ĐTCN - 09	Lê Đình Phan	20/01/1981		x		033081001786	11/08/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
10	ĐTCN - 10	Hoàng Thị Trang	02/04/1980			x	013354914	28/07/2010	CA Hà Nội

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	ĐTCN - 11	Tô Văn Tuấn	13/06/1978		x		001078015189	04/07/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	ĐTCN - 12	Nguyễn Minh Tuấn	15/10/1972		x		025072000174	16/08/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư